| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 156/2024/DS - PT<br>Ngày 24- 4- 2024<br>V/v yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Kim Khánh và ông Nguyễn Duy Thuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2024/TLPT- DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc " Yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS - ST ngày 05/01/2024 của Toà án nhân dân huyện EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2024/QĐ- PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 127/2024/QĐ – PT ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị L; có mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

***- Bị đơn:*** Ông Huỳnh Minh D; có mặt;

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ông Huỳnh Văn S và bà Đoàn Thị Thảo L1; cùng vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Minh D.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Tôi xác định do trước đây tôi có khởi kiện vợ chồng ông Huỳnh Văn S và bà Đoàn Thị Thảo L1 đòi nợ số tiền 213.500.000 đồng. Tôi có làm đơn ngăn chặn đối với thửa đất có giấy CNQSD đất số AK 540991. Khi đó ông Huỳnh Minh D (là chồng của em gái bà Đoàn Thị Thảo L1) muốn mua thửa đất có GCNQSD đất trên nên vào ngày 27/7/2020 giữa tôi và ông Huỳnh Minh D có lập biên bản thỏa thuận dân sự về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ vợ chồng ông Huỳnh Văn S và bà Đoàn Thị Thảo L1 sang cho ông Huỳnh Minh D với số tiền là 213.500.000 đồng. Với điều kiện tôi sẽ rút đơn phong tỏa để giải tỏa thửa đất có GCNQSD đất số AK 540991 để ông D thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tôi cũng sẽ rút đơn yêu cầu thi hành án đối với ông S, bà L1 và giao lại hết giấy tờ gốc cho ông D khi ông D trả xong khoản nợ. Tôi đã thực hiện xong theo thỏa thuận, ông D cũng giao cho tôi số tiền 100.000.000 đồng và ghi nhận nợ số tiền còn lại là 113.500.000 đồng và hẹn đến 15/11/2020 ông D sẽ thanh toán cho tôi. Việc chuyển giao nghĩa vụ đã hoàn tất nên ông D phải có trách nhiệm trả nợ cho tôi số tiền nhận nợ còn thiếu là 113.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Tôi không đồng ý với yêu cầu của ông D buộc tôi phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng mà ông D đã trả cho tôi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Minh D trình bày:*

Yêu cầu khởi kiện của bà L là không đúng sự thật vì tôi không vay số tiền 113.500.000 đồng. Tôi có ghi giấy nhận nợ số tiền trên vì một thỏa thuận dân sự với bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L đã nhận từ tôi số tiền 108.000.000 đồng nhưng không thực hiện theo thỏa thuận dân sự để tôi sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 540991, đến nay bà L vẫn chưa trả lại cho tôi số tiền đã nhận từ tôi. Trong thỏa thuận dân sự ngày 27/7/2020 đối tượng của thỏa thuận dân sự được nhắm đến là lô đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 540991, bà L không rút đơn ngăn chặn vào thời điểm nhận tiền là ngày 27/7/2020 nên tôi không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được, đến khoảng 1 tháng sau bà L mới thực hiện việc rút đơn phong tỏa làm chậm trễ trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên của tôi, không đúng theo thời gian trong biên bản thỏa thuận, mục đích thỏa thuận dân sự không đạt được nên tôi không đồng ý với yêu cầu của bà L. Vì vậy, kính mong Tòa án xem xét tuyên hợp đồng thỏa thuận dân sự ngày 27/7/2020 vô hiệu vì không đúng đối tượng, buộc bà Nguyễn Thị L trả lại số tiền đã nhận từ tôi.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn S và bà Đoàn Thị Thảo L1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến được.*

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS - ST ngày 05/01/2024 của Toà án nhân dân huyện EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 276; Điều 280; Điều 370; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Huỳnh Minh D trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 151.172.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng), trong đó có 113.000.000 đồng tiền gốc và 38.172.000 đồng tiền lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/01/2024, bị đơn ông Huỳnh Minh D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của các đương sự tại phiên toà, xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Minh D là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Minh D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS - ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Minh D làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên hợp lệ.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngày 27/7/2020, giữa ông Huỳnh Minh D với bà Nguyễn Thị L đã lập hợp đồng thoả thuận dân sự với nội dung: Ông D sẽ đứng ra trả cho bà L số tiền 213.500.000 đồng mà ông Huỳnh Văn S và bà Đoàn Thị Thảo L1 đang nợ của bà L. Ông D đã trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại 113.500.000 đồng ông D hẹn nợ lại đến ngày 10/11/2020 sẽ trả đủ số tiền còn lại với điều kiện sau khi thoả thuận xong bà L phải rút đơn phong toả lô đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 540991 của ông Huỳnh Văn S và bà Đoàn Thị Thảo L1 và rút yêu cầu khiếu kiện đòi nợ đối với ông S, bà L1, giao hết các giấy nợ bản gốc cho ông D khi ông D trả nợ xong. Như vậy, nghĩa vụ trả nợ cho bà L đã được chuyển giao từ vợ chồng ông Huỳnh Văn S, bà Đoàn Thị Thảo L1 sang ông Huỳnh Minh D theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự.

Ngày 12/8/2020, ông Huỳnh Minh D có lập Giấy nhận nợ với nội dung: Ông D có vay của bà L số tiền 113.500.000 đồng, hẹn đến ngày 15/11/2020 sẽ trả đủ. Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định, số tiền theo Giấy nhận nợ ngày 12/8/2020 là số tiền mà ông D còn nợ lại của bà L theo Hợp đồng thoả thuận dân sự ngày 27/7/2020. Do đó, bà L được quyền khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán cho bà L số tiền còn thiếu. Vì vậy, cần xác định đây là quan hệ "Yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

[3]. Về nội dung:

Ông Huỳnh Minh D cho rằng ông không vay tiền của bà L, việc ông D ghi giấy nhận nợ số tiền là để thực hiện theo thoả thuận dân sự ngày 27/7/2020, tuy nhiên, bà L không thực hiện đúng theo thoả thuận, không rút đơn ngăn chặn đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 540991 vào thời điểm nhận tiền là ngày 27/7/2020 mà đến khoảng 1 tháng sau mới thực hiện việc rút đơn phong tỏa làm ông D không thực hiện được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mục đích thỏa thuận dân sự không đạt được nên ông D không đồng ý với yêu cầu của bà L và đề nghị Tòa án xem xét tuyên hợp đồng thỏa thuận dân sự ngày

27/7/2020 vô hiệu vì không đúng đối tượng, buộc bà Nguyễn Thị L trả lại số tiền đã nhận từ ông D.

Xét thấy: Tại thời điểm lập Hợp đồng về việc thoả thuận dân sự, ông Huỳnh Minh D và bà Nguyễn Thị L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc lập hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện, bà L là bên có quyền đã đồng ý với việc ông D nhận chuyển giao nghĩa vụ từ ông Huỳnh Văn S, bà Đoàn Thị Thảo L1, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng nói trên thoả mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự.

Ông D cho rằng bà L đã vi phạm thời hạn cam kết, tuy nhiên, theo Hợp đồng thoả thuận dân sự đề ngày 27/7/2020, các bên không thoả thuận về thời hạn bà L phải rút đơn phong toả. Sau khi thoả thuận bà L đã làm đơn yêu cầu huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và rút yêu cầu Thi hành án. Toà án nhân dân huyện Ea H'leo đã ra Quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 12/8/2020 (BL27) và Chi cục thi hành án huyện E cũng đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án số 71/QĐ-CCTHADS ngày 31/8/2020 (BL 38). Như vậy, bà L đã thực hiện nghĩa vụ theo thoả thuận nên việc Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo giải quyết buộc ông Huỳnh Minh D phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 113.500.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày ông D viết giấy nhận nợ (ngày 12/8/2020) là có căn cứ, đúng pháp luật, vì vậy đơn kháng cáo của ông Huỳnh Minh D là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Huỳnh Minh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

[1].Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Minh D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS - ST ngày 05/01/2024 của Toà án nhân dân huyện EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 276; Điều 280; Điều 370; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Huỳnh Minh D trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 151.172.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng), trong đó có 113.000.000 đồng tiền gốc và 38.172.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Ông Huỳnh Minh D phải chịu 7.558.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0011956 ngày 19/01/2024 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện E. Ông D còn tiếp tục phải nộp 7.558.000 đồng

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 2.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0011350 ngày 12/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện EaH'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hằng**